

Số: 18/QĐ-TTCNTTTT

An Giang, ngày 01 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai bổ sung dự toán nguồn kinh phí sự nghiệp năm 2024 cho Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 78/QĐ-STTTT ngày 31 tháng 07 năm 2024 của Sở Thông tin và Truyền thông về việc bổ sung dự toán nguồn kinh phí sự nghiệp năm 2024 cho Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Hành chính Tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi Ipv6 cho hệ thống mạng, dịch vụ công nghệ thông tin tỉnh An Giang năm 2024 theo Quyết định số 1048/QĐ-UBND phê duyệt Kế hoạch 66/KH-STTTT ngày 06/06/2024 của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh An Giang, số tiền chi tiết như sau:

- Dự toán thu: 0 đồng (0 đồng)
- Dự toán chi: 3.350.000.000 đồng (Ba tỷ, ba trăm năm mươi triệu đồng).

Chi tiết theo biểu đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Niêm yết tại trụ sở;
- Cổng TTĐT TTCNTTTT;
- Lưu: VT.



Trần Trường Giang

Đơn vị: Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông

Chương: 427



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 18/QĐ-TTCNTTTT ngày 01/08/2024 của Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: triệu đồng

Số	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí, thu khác	
1	Thu khác	
2	Phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (Trong đó, trích nguồn thực hiện cải cách tiền lương)	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí ...	
	Phí ...	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	3,350
I	Nguồn ngân sách trong nước	3,350
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề (Loại 070 - khoản	-
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên -Ngân sách trung ương	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế (Loại 280 - Khoản 314)	3,350
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên - Chi con người và hoạt động - Trừ 10% tiết kiệm để tạo nguồn cải cách tiền lương	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3,350

	- Thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi IPv6 cho hệ thống mạng, dịch vụ công nghệ thông tin tỉnh An Giang năm 2024 theo Kế hoạch số 66/KH-STTTT ngày 06/06/2024 của Sở Thông tin và Truyền thông tin An Giang	3,350
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	-
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
	- Dành 10% tiết kiệm để tạo nguồn cải cách tiền lương	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11	Chi khác ngân sách (Loại 400 - khoản 428, mã CTMTQG: 0498	-
11.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
11.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
	- Ngân sách địa phương đối ứng	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
5.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	

2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	

Số: 78/QĐ-STTTT

An Giang, ngày 31 tháng 07 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung dự toán nguồn kinh phí sự nghiệp năm 2024
cho Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông

GIÁM ĐỐC SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG TỈNH AN GIANG

Căn cứ Quyết định số 47/2022/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 2036/QĐ-UBND ngày 13/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho các đơn vị dự toán thuộc ngân sách cấp tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1048/QĐ-UBND ngày 28/6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt Kế hoạch chuyển đổi IPv6 cho hệ thống mạng, dịch vụ công nghệ thông tin tỉnh An Giang năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 190/QĐ-STTTT ngày 22/12/2023 của Sở Thông tin và Truyền thông về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho Văn phòng Sở Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Công văn số 2025/STC-HCSN ngày 26/07/2024 của Sở Tài chính về việc điều chỉnh dự toán năm 2024 của Sở Thông tin và Truyền thông để thực hiện Kế hoạch Chuyển đổi IPv6;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung dự toán nguồn kinh phí Sự nghiệp công nghệ thông tin năm 2024 cho Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông để triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi IPv6 cho hệ thống mạng, dịch vụ công nghệ thông tin tỉnh An Giang năm 2024 theo Quyết định số 1048/QĐ-UBND phê duyệt Kế hoạch số 66/KH-STTTT ngày 06/06/2024 của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh An Giang số tiền 3.350.000.000 đồng (Ba tỷ, ba trăm năm mươi triệu đồng) chi tiết phụ lục đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán được giao, Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông có trách nhiệm triển khai các công việc theo Kế hoạch đã được phê duyệt; quản lý sử dụng kinh phí theo đúng các quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Sở, Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- KBNN;
- Lưu: VT, VP.



Lê Quốc Cường

PHỤ LỤC
BỘ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

Đơn vị: Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông

Mã số: 1034985

Mã KBNN nơi giao dịch: 0761

(Kèm theo Quyết định số 78/QĐ-STTTT ngày 31/07/2024 của Sở Thông tin và Truyền thông)



Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0
B	Dự toán chi từ ngân sách nhà nước	3,350
I	Chi từ NS tỉnh	3,350
1	Chi sự nghiệp công nghệ thông tin (Loại 280 - Khoản 314)	3,350
<i>a</i>	<i>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</i>	<i>0</i>
<i>b</i>	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	<i>3,350</i>
	<i>- Thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi IPv6 cho hệ thống mạng, dịch vụ công nghệ thông tin tỉnh An Giang năm 2024 theo Kế hoạch số 66/KH-STTTT ngày 06/06/2024 của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh An Giang</i>	<i>3,350</i>
II	Chương trình mục tiêu	0